

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DS-ST
Ngày: 13-10-2020
“V/v Tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào.

Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp Nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim L – Sinh năm 1977, (có mặt)

Ông Dương Tâm D – Sinh năm 1975, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị T – Sinh năm 1950 và ông Nguyễn Văn G – Sinh năm 1940, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn Th – sinh năm 1979, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L và ông Dương Tâm D trình bày:

Vợ chồng tôi làm chủ hui, bà T và ông G tham gia chơi hui của chúng tôi từ năm 2012, lúc đầu chỉ chơi một, hai dây, đến năm 2015 – 2016 thì vợ chồng ông G bà T tham gia chơi tổng cộng 09 chân trong 3 dây hui, cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất: Dây hui tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), áp ngày 08/8/2015 âm lịch, có 24 chân, bà T và ông G chơi 04 chân;

- Dây hụi thứ hai: Dây hụi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), áp ngày 16/11/2016 âm lịch, có 20 chân, bà T và ông G chơi 01 chân;

- Dây hụi thứ ba: Dây hụi 10 ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng), áp ngày 19/12/2016 âm lịch, có 40 chân, bà T và ông G chơi 04 chân;

Khi hụi khui được vài lần thì vợ chồng bà T bắt đầu hốt và khi hụi được nửa đường thì vợ chồng bà T đã hốt hết 9 chân hụi trên, ông bà đóng hụi chết được một thời gian và trình bày không có khả năng đóng lại hụi chết cho tôi nên hai bên mới ngồi lại bàn bạc và chốt nợ với nhau vào ngày 01/4/2017 là ông G, bà T còn nợ vợ chồng tôi tổng cộng là 365.000.000đ (ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và thống nhất tính tiền này thành tiền vay, lãi suất là 1%/tháng nên mới viết biên nhận là tiền vay. Từ ngày chốt nợ đến nay phía bà T và ông G có trả dần cho vợ chồng tôi nhiều lần như sau:

- 5.000.000đ x 4 = 20.000.000đ;

- 3.000.000đ x 8 = 24.000.000đ;

- 2.000.000đ x 9 = 18.000.000đ;

Tổng cộng là 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng). Như vậy, ông G và bà T còn nợ lại vợ chồng tôi 303.000.000đ (ba trăm lẻ ba triệu đồng). Mặc dù, vợ chồng chúng tôi trực tiếp đòi nhiều lần nhưng thời gian gần đây phía ông G, bà T không có thiện chí trả nợ nên buộc lòng vợ chồng tôi phải khởi kiện ra Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kim L và ông Dương Tâm D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn G và vợ bà Phan Thị T phải trả cho ông bà số tiền nợ hụi còn lại tổng cộng là 303.000.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu đồng), ông bà đồng ý không tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Bản tự khai đề ngày 25/6/2020, Biên bản ghi lời khai ngày 10/8/2020, bị đơn bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông G, bà T thừa nhận: Ông bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà L và ông D làm chủ, thời gian đầu ông bà chơi và đã hốt xong, sau đó ông bà tiếp tục chơi 09 chân trong 3 dây hụi của vợ chồng bà L, ông bà vừa chơi cho vợ chồng và vừa chơi dùm cho con nhưng đó là do bà T và các con thỏa thuận còn tham gia chơi, hốt và đóng hụi đều do bà T chơi. Ông bà công nhận Biên nhận (giấy mượn tiền) đề ngày 01/4/2017 do ông D và bà L cung cấp cho Tòa án chữ ký và dấu lấn tay đúng là của ông bà, ông bà thừa nhận còn nợ tiền hụi vợ chồng bà Lê Thị Kim L và ông Dương Tâm D tổng cộng số tiền là 303.000.000đ (ba trăm lẻ ba triệu đồng) như vợ chồng bà L khởi kiện nhưng ông bà trình bà hoàn cảnh khó khăn, tuổi cao nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), khi nào ông bà bán được nhà thì sẽ trả số tiền còn nợ cho vợ chồng bà L và xin vợ chồng bà L không tính lãi đối với số tiền trên vì ông bà không có khả năng trả nợ.

Ông bà cũng trình bày thêm, tuy tuổi cao và có bệnh già nhưng tinh thần thì vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, vẫn nhận thức được tất cả mọi việc bình

thường không có vấn đề gì về tinh thần nên ông bà không có yêu cầu giám định gì về sức khỏe.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Tôi là con trai thứ sáu của ông G và bà T, đối với số nợ ông Dương Tâm D và bà Lê Thị Kim L khởi kiện cha mẹ tôi thì tôi biết tiền đó là tiền nợ hụi. Vì trước đây hụi của bà L tôi cũng có chơi cũng do mẹ tôi bà Phan Thị T chơi dùm nhưng phần hụi của tôi, tôi hốt xong và đã đóng xong hết. Còn số tiền hiện tại còn nợ bà L là nợ của mẹ tôi và của mấy anh chị tôi, tôi không liên quan. Mấy anh chị tôi đã đi Sài Gòn, Bình dương mấy năm nay, có người Tết về có người đi biển biệt luôn. Tôi có nhà riêng và ở riêng nên tôi chỉ biết cha mẹ có nợ tiền hụi của vợ chồng ông D, bà L nhưng tôi không biết cụ thể số tiền nợ là bao nhiêu. Cha mẹ tôi thì có bệnh già thỉnh thoảng cũng đi nằm bệnh viện nhưng đầu óc, tinh thần thì minh mẫn, sáng suốt, vẫn nhận thức được tất cả mọi việc bình thường không có vấn đề gì về tinh thần.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hụi” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 471, 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 17, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L, ông Dương Tâm D buộc ông Nguyễn Văn G và vợ bà Phan Thị T phải trả cho vợ chồng ông D, bà L số tiền nợ hụi còn lại tổng cộng là 303.000.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên bà Lê Thị Kim L và ông Dương Tâm D khởi kiện bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn G về việc “Tranh chấp nợ hụi” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Dương Tâm D với tư cách là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Th với tư cách là người làm chứng, ông D và anh Thuyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 229 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Thời gian vào năm 2015 - 2016, giữa vợ chồng bà Lê Thị Kim L, ông Dương Tâm D và bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn G có thỏa thuận góp hụi với nhau, vợ chồng bà L, ông D làm chủ hụi, bà T và ông G là thành

viên trong các dây hụi:

Dây hụi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), áp ngày 08/8/2015 âm lịch, có 24 chân, bà T và ông G chơi 04 chân; Dây hụi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), áp ngày 16/11/2016 âm lịch, có 20 chân, bà T và ông G chơi 01 chân; Dây hụi 10 ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng), áp ngày 19/12/2016 âm lịch, có 40 chân, bà T và ông G chơi 04 chân. Quá trình chơi hụi, bà T và ông G đã lần lượt hốt hết 09 chân hụi đã chơi trong 3 dây hụi nêu trên, sau khi đóng lại hụi chết được một thời gian thì không còn khả năng đóng nên hai bên thống nhất chốt nợ vào ngày 01/4/2017 là ông G, bà T còn nợ vợ chồng bà L và ông D tổng cộng là 365.000.000đ (ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Sau đó, vợ chồng bà T đã trả dần cho vợ chồng bà L được 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng) thì ngưng, còn lại 303.000.000đ (ba trăm lẻ ba triệu đồng). Các dây hụi trên đã mãn và vợ chồng bà L đã bỏ tiền ra trần để chung hụi cho các tay em khác nhưng đến nay vợ chồng bà T và ông G vẫn chưa trả lại tiền hụi đã nợ cho vợ chồng bà L nên bà L và ông D khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi 303.000.000đ (ba trăm lẻ ba triệu đồng). Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hụi như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của bà L và ông D buộc vợ chồng bà T, ông G phải trả số tiền nợ hụi là 303.000.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bà T, ông G đều thừa nhận số tiền hụi còn nợ lại bà L và ông D là 303.000.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu đồng) nhưng hẹn trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, nếu như khi nào ông bà bán được nhà sẽ trả đủ một lần số tiền còn nợ cho vợ chồng bà L. HĐXX thấy rằng, bà T, ông G không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng (góp) tiền hụi theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 24 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và yêu cầu xin trả nợ dần của ông bà cũng không được bà L và ông D đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông D và buộc bà T, ông G có trách nhiệm thanh toán số nợ hụi này cho bà L và ông D là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch do ông bà có lỗi trong vụ kiện này. Nhưng ông bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn án phí có giá ngạch cho ông G và bà T.

Bà Lê Thị Kim L và ông Dương Tâm D được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 7.575.000đ (Bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008949 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 17, Điều 24 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L và ông Dương Tâm D.

Buộc bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim L, ông Dương Tâm D số tiền nợ hụi là **303.000.000đ** (Ba trăm lẻ ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L và ông D cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà T và ông G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí có giá ngạch cho ông G và bà T.

Bà Lê Thị Kim L và ông Dương Tâm D được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 7.575.000đ (Bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008949 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 13/10/2020.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhậ